|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT GIAO THUỶ**  **TRƯỜNG THCS GIAO THUỶ** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 8**  **THỜI GIAN: 90 PHÚT** |

1. **MA TRẬN.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng ca** | |
| **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện lịch sử | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Phân tích một bài thơ Đường luật | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | **15** | **5** | **25** | **15** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện lịch sử | **Nhận biết**:  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Xác định được câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý.  **Vận dụng:**  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận văn học.  - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản.  - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.  **Vận dụng:**  **-** Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề.  - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận.  - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD-ĐT GIAO THUỶ**  **TRƯỜNG THCS GIAO THUỶ** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 8**  **THỜI GIAN: 90 PHÚT** |

**I. ĐỌC**

**Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

[…] Trong khi vua Trần cầm quân đánh chặn, quấy nhiễu thủy quân Nguyên-Mông trên sông Lục Nam thì ở ven biển, Hưng Đạo Vương đang chuẩn bị lực lượng lớn ở cửa vùng cửa sông Bạch Đằng để đón đánh thủy quân giặc. Hưng Đạo Vương đặt quân thủy bộ mai phục dày đặc ở các tuyến sông Giả, sông Kênh, sông Chanh, sông Đá Bạch, sông Thai, núi Tràng Kênh, Yên Hưng. Tại một số nơi lòng sông rộng trên sông Bạch Đằng, thủy triều lên xuống chênh lệch mạnh, quân ta cắm cọc nhọn rồi phủ cỏ lên trên. Các bãi cọc này là những công trình tiêu tốn khá nhiều công sức. Nhân dân trong vùng cùng với quân đội triều đình đã phải tốn nhiều thời gian chuẩn bị từ trước để diệt giặc. Bãi cọc vừa đóng vai trò là cạm bẫy đánh chìm thuyền giặc, vừa làm hẹp thủy lộ, khiến cho thuyền giặc phải di chuyển theo toan tính của quân ta.

[…] Đương lúc trận chiến bước vào đoạn cao trào, Hưng Đạo Vương cùng vua Trần Nhân Tông, thượng hoàng Trần Thánh Tông dẫn đoàn chiến thuyền hùng mạnh nhất tung vào trận. Các đạo cấm quân tinh nhuệ thường ngày giữ nhiệm vụ bảo vệ vua và triều đình, nay được dịp thả sức tung hoành. Các quân thấy đội thuyền của nhà vua kéo tới tiếp viện, càng thêm phấn chấn, cùng hợp sức mà đánh giết quân giặc, trút tên như mưa vào các thuyền giặc. Ở chiều ngược lại, quân Nguyên càng thêm hoảng loạn, trận thế tan vỡ. Quân Đại Việt thả sức tàn sát, máu nhuộm đỏ cả một khúc sông lớn. Tướng giặc là Trương Ngọc chết trong đám loạn quân. Phàn Tiếp té xuống sông, quân ta dùng câu liêm móc lên bắt sống. Các tướng Ô Mã Nhi, Tích Lệ Cơ cũng bị bắt sống…

(http://1thegioi.vn, *Quân Trần bắt sống Ô Mã Nhi, xoá sổ thủy quân nhà Nguyên*)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

1. Tự sự
2. Thuyết minh
3. Miêu tả
4. Nghị luận

**Câu 2.** Đề tài chính mà văn bản hướng tới là gì?

1. Viết về đề tài tình bạn.
2. Viết về đề tài nhân vật anh hùng thời chiến.
3. Viết về đề tài tình cảm gia đình.
4. Viết về đề tài tình yêu quê hương.

**Câu 3.** Dòng nào liệt kê chính xác những nhân vật anh hùng lịch sử của dân tộc ta được nhắc tới trong phần ngữ liệu trên?

1. Hưng Đạo Vương, vua Trần Nhân Tông, thượng hoàng Trần Thánh Tông.
2. Hưng Đạo Vương, Ô Mã Nhi, thượng hoàng Trần Thánh Tông.
3. Tích Lệ Cơ, vua Trần Nhân Tông, thượng hoàng Trần Thánh Tông.
4. Ô Mã Nhi, vua Trần Nhân Tông, thượng hoàng Trần Thánh Tông.

**Câu 4.** Cốt truyện trong tác phẩm này được xây dựng theo cốt truyện đơn tuyến hay cốt truyện đa tuyến?

1. Cốt truyện đa tuyến. B.Cốt truyện đơn tuyến.

**Câu 5.** Các từ “*triều đình”, “thượng hoàng”* có phải là biệt ngữ xã hội trong triều đình phong kiến xưa, đúng hay sai?

1. Đúng B.Sai

**Câu 6.** Trong khi vua Trần cầm quân đánh chặn, quấy nhiễu thủy quân Nguyên-Mông trên sông Lục Nam thì ở ven biển, Hưng Đạo Vương đang chuẩn bị lực lượng lớn ở cửa vùng cửa sông Bạch Đằng để đón đánh thủy quân giặc như thế nào?

1. Hưng Đạo Vương đặt quân thủy bộ mai phục dày đặc ở các tuyến sông Giá, sông Kênh, sông Chanh, sông Đá Bạch, sông Thai, núi Tràng Kênh, Yên Hưng…
2. Tại một số nơi lòng sông rộng trên sông Bạch Đằng, thủy triều lên xuống chênh lệch mạnh, quân ta cắm cọc nhọn rồi phủ cỏ lên trên.
3. Hưng Đạo Vương đặt quân thủy bộ mai phục dày đặc ở các tuyến sông Giá, sông Kênh, sông Chanh, sông Đá Bạch, sông Thai, núi Yên Tử, Yên Hưng…
4. Đáp án A, B đúng.

**Câu 7.** Đâu không phải là nguyên nhân chiến thắng của quân dân nhà Trần.

1. Do có bãi cọc vừa đóng vai trò là cạm bẫy đánh chìm thuyền giặc, vừa làm hẹp thủy lộ, khiến cho thuyền giặc phải di chuyển theo toan tính của quân ta.
2. Do vua Trần cầm quân đánh chặn, quấy nhiễu thủy quân Nguyên-Mông trên sông Lục Nam.
3. Do Hưng Đạo Vương cùng vua Trần Nhân Tông, thượng hoàng Trần Thánh Tông dẫn đoàn chiến thuyền hùng mạnh nhất tung vào trận.
4. Do quân Nguyên Mông không có tướng chỉ huy.

**Câu 8. Có ý kiến cho rằng:***Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là đỉnh cao chói lợi của sức mạnh và nghệ thuật quân sự của quân dân Đại Việt thế kỷ thứ XIII, thể hiện tài thao lược của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn – vị anh hùng kiệt xuất, nhà chiến lược lỗi lạc của dân tộc ta. Ông không chỉ được nhân dân Việt Nam tôn thờ như một bậc thánh nhân mà còn được thế giới công nhận là một trong mười vị tướng giỏi nhất mọi thời đại.*  Em có đồng tình hay không đồng tình với ý kiến trên?

1. Đồng tình B. Không đồng tình

**Câu 9.**Nội dung chính của đoạn trích kể lại sự việc gì?

**Câu 10.**Tiếp nối truyền thống quý báu của cha anh, nhiệm vụ của em bây giờ là cần phải làm gì để xứng đáng với truyền thống ấy?

**II. VIẾT**

Viết bài văn phân tích bài thơ “Thu vịnh” của nhà thơ Nguyễn Khuyến:

“Trời thu xanh ngắt tầng cao.

Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.

Nước biếc trông như tầng khói phủ,

Song thưa để mặc bóng trăng vào

Mấy chụm trước giậu hoa năm ngoái

Một tiếng trên không ngỗng nước nào?

Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,

Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.”

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

1. **ĐỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Trắc nghiệm** | **Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | | **Đáp án** | **A** | **B** | **A** | **A** | **A** | **D** | **D** | **A** | | 4,0 điểm |
| **Câu 9** | **Nội dung chính của đoạn trích kể lại sự việc:**  - Trích đoạn kể về vua Trần Nhân Tông cầm quân đánh trận quấy nhiễu thuỷ quân Nguyên Mông trên sông Lục Nam. Trong khi đó, Hưng Đạo Vương chuẩn bị lục lượng, cắm bãi cọc trên sông Bạch Đằng làm cạm bẫy đánh chìm quân giặc.  - Khi trận chiến đang bước vào giai đoạn cao trào, Hưng Đạo Vương cùng vua Trần Nhân Tông, thượng hoàng Trần Thánh Tông dẫn đoàn quân hùng mạnh đánh tan quân giặc. Quân giặc hoảng loạn, thế trận tan vỡ. Quân Đại Việt bắt sống được tướng Ô Mã Nhi, Thích Lệ Cơ. Tướng Trương Ngọc chết trong đám loạn quân.  ***Cách cho điểm:* Học sinh chỉ ra được nội dung của đoạn trích một cách ngắn gọn (gần với gợi ý): 1,0 điểm; HS nêu nội dung văn bản nhưng chưa thuyết phục: 0,5 điểm; không nêu được hoặc nêu sai hoàn toàn: 0 điểm** | 1,0 điểm |
| **Câu 10** | **Nhiệm vụ của em bây giờ cần làm gì để xứng đáng với truyền thống cha anh**  + Em cần giữ gìn và phát huy truyền thống yêu nước và tự hào dân tộc.  + Chăm lo học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động có ích để góp phần xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp.  + Cần sáng suốt trước các âm mưu thế lực thù địch.  + Tuyên truyền cho mọi người nhận thức sâu sắc về tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc.  + Ra sức học tập, rèn luyện sức khoẻ và tu dưỡng đạo đức hơn nữa, để có thể cống hiến một phần nhỏ bé của mình trong công cuộc bảo vệ chủ quyền của dân tộc.  ***Cách cho điểm:* Học sinh chia sẻ được ít nhất hai nhiệm vụ thể hiện tinh thần yêu nước và tiếp nối truyền thống cha anh đảm bảo theo gợi ý: 1,0 điểm; chỉ nêu được 1 nhiệm vụ, một phần đáp án: 0,5 điểm; không nêu hoặc nêu sai hoàn toàn: 0 điểm.** | 1,0 điểm |

**II. VIẾT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Gợi ý nội dung | a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một bài văn phân tích một tác phẩm thơ. | 0,25 |
| b. Xác định đúng nội dung thảo luận | 0,25 |
| c. Lần lượt trình bày bài văn phân tích một tác phẩm thơ theo dàn ý sau:  \* Mở bài:  - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chúng về bài thơ.  + Nguyễn Khuyến có nhiều bài thơ viết về mùa thu. Chùm thơ thu nổi tiếng đã góp phần tôn vinh tên tuổi tác giả lên vị trí hàng đầu trong các nhà thơ viết về quê hương làng cảnh Việt Nam.  + Qua việc vịnh mùa thu với những nét đẹp tiêu biểu, Nguyễn Khuyến cho thấy một tâm sự u hoài, một tấm lòng xót xa trước cảnh, kín đáo, bày tỏ một tình cảm yêu nước chân thành.  \* Thân bài:  - Luận điểm 1: “Thu vịnh” là một thi phẩm viết hay về mùa thu Bắc Bộ-bức tranh mùa thu hiện lên thật thanh đạm, uyển chuyển và cũng thật huyền ảo; bên cạnh đó, bài thơ còn là nỗi lòng tha thiết của nhà thơ đối với quê hương đất nước.  + Hai câu đề:  “Trời thu xanh ngắt mấy từng cao,  Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.”  + Mở đầu là hình ảnh bầu trời mùa thu xanh ngắt và cao vời vợ. “Xanh ngắt” là xanh thăm thẳm một màu; “mấy từng cao” là tưởng như bầu trời có nhiều lớp, nhiều tầng.  + Nghệ thuật lấy điểm tả diện, lấy động tả tĩnh trong câu thứ hai thường thấy trong thơ cổ điển, được Nguyễn Khuyến vận dụng rất tự nhiên và phù hợp. “Cần trúc” thanh mảnh khẽ đong đưa trước ngọn “gió hắt hiu” (gió nhẹ) càng tôn thêm vẻ mênh mông của bầu trời mùa thu. Sự lay động rất nhẹ của cần trúc càng làm tăng thêm cái lặng thinh, sâu thẳm của bầu trời. Bầu trời lại như dồn hết cái sâu lắng vào bên trong cần trúc, để cho nó vừa như đong đưa mà cũng vừa như đứng yên.  => Hai câu đề chấm phá hai nét phong cảnh đơn sợ, thanh thoát nhưng hoà điệu nhịp nhàng với tâm hồn tác giả. Trong đó, mọi chi tiết, sắc màu, đường nét, cử động đều rất hài hoà. Nhà thơ nói đến trời thu nhưng ta đã thấy cả hồn thu trong đó.  + Hai câu thực:  “Nước biếc trông như tầng khỏi phủ,  Song thưa để mặc bóng trăng vào.”  + “Nước biếc” là màu nước đặc trưng của mùa thu khi khí trời bắt đầu se lạnh. Sáng sớm và chiều tối, trên mặt ao, mặt hồ có một lớp sương mỏng trông như khói phủ. Cảnh mặt nước khói sương bình thường ấy qua con mắt và tâm hồn thi sĩ đã trở thành một dánh thu ngâm vịnh.  + Hình ảnh “song thưa” gợi ý thanh thoát, cởi mở. Bóng trăng vào qua song thưa để ngỏ thì bóng trăng trở nên mênh mông hơn, lặng lẽ hơn. Nếu ở câu trên là một trạng thái có chiều cao, có độ sâu thì ở câu này lại là một trạng thái mởi ra thành một bề rộng, mặc dù bị giới hạn bởi khung cửa sổ song thưa mà vẫn mênh mông ớ ý nghĩa bên trong, ở tinh thần và âm điệu nhưng trạng thái nào thì cũng đều tĩnh mịch và chất chứa suy tư của một nhà thơ nặng tình với quê hương, đất nước.  + Hai câu luận:  “Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,  Một tiếng trên không ngỗng nước nào.”  Tâm trạng hoài cổ chi phối cách nhìn, cách nghĩ của nhà thơ. Hoa năm nay mà nghĩ là hoa năm ngoái. Tiếng ngồng trời kêu quen thuộc mỗi độ thu về khiến nhà thơ giật mình, băn khoăn tự hỏi ngỗng nước nào?  + Nghệ thuật đảo ngữ làm nổi bật hình ảnh “mấy chùm” hoa và một tiếng “ngỗng”.  + Hình ảnh “hoa năm ngoái” có sức gợi tả mạnh; “hoa năm ngoái” có nghĩa là hoa vẫn là hoa y như năm ngoái mà nước hôm nay thì đã trờ thành “nước nào”.  + Tiếng ngỗng ở đây, về nghệ thuật là lấy cái động để diễn tả cái tĩnh. Cảm giác khi nghe tiếng ngỗng trên không văng vẳng mà giật mình băn khoăn tự hỏi: ngỗng nước nào? Mặc dù âm thanh ấy đã quá quen thuộc mỗi độ thu về.  + Âm điệu câu thơ 4/1/2 như chất chứa bâng khuâng, suy tư.  => Hai câu kết: Cảm hứng và nội hẹn của nhà thơ  “Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,  Nghĩ ra lại thẹn với Ông Đào.”  + “Nhân hứng” ở đây chính là hứng làm thơ trước cảnh mùa thu.  + “toan cất bút” định không viết nhưng trước cảnh đẹp thì lại tạo được hứng khởi để viết.  + “Nghĩ ra” tức là ý thức, là lý trí, là tỉnh.  -> Nguyễn Khuyến rất say mà rất tỉnh. Ông say trước cảnh đẹp của mùa thu, nhưng ông vẫn tỉnh trước lương tâm của mình. Cho nên, ông nói được là thẹn. Nhưng thẹn với ai? Có lẽ thẹn vì tài thơ thua kém hay thẹn vì mình chưa có được nhân cách trong sáng và khí phách cứng cỏi như Đào Tiềm?  (Ông Đào Nguyễn Khuyến nhắc đến là ông Đào Tiềm – nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc xưa kia. Ông thẹn bởi so với “Ông Đào” vì cái khí tiết của ông trong giới quan trường Trung Hoa khi dứt khoát từ quan. Nghĩ về mình, Nguyễn Khuyết làm quan trong thời buổi khó tránh khỏi việc là tay sai của giặc Pháp. Bởi vậy, khi đã về quê sống ẩn dật, ông vẫn luôn ân hận, về những năm làm việc trong bộ máy chính quyền thối nát tàn bạo thời ấy.  Như vậy, đọc bài bài thơ “Thu vịnh”, ta không chỉ thấy một bức tranh màu thu đẹp huyền áo mà còn thấy được tấm lòng chân thực cũng như niệm u uẩn một nhà thơ, một nhân cách lớn Nguyễn Khuyến.)  -> Với hướng văn đi từ cảnh đến tình, từ tình đến người và rồi là cái kết có chút lẳng lơ nhưng mà lại vô cùng kín đáo ẩn chứa rất nhiều suy tư của người đọc. Câu thơ cuối bỏ lửng khơi gợi suy ngẫm của người đọc.  => Bài “Thu vịnh” tả tổng quát về mùa thu, chứ không nói một đặc cảnh “uống say” hay “câu cá”, nhưng ta vẫn thấy nét thu đặc biệt của Nguyễn Khuyến. Hơn nữa, trong cảnh sắc mùa thu này, ta thấy khá rõ được tâm hồn thanh cao và khí tiết của một người: “Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết”. Mảnh gương trình vằng vặc quyết không nhơ (trích bài Mẹ Mốc của Nguyến Khuyến).  - Ý 2: Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật.  + Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, có kết cẩu chặt chẽ.  + “Thu vịnh” thể hiện trình độ bậc thầy của nhà thờ Nguyễn Khuyến trong tả cảnh mùa thu. Với việc sử dụng bút pháp lấy lấy điểm tả diện, lấy động tả tĩnh trong bài thơ mà chúng ta thường thấy trong thơ cổ điển, nhà thơ đã thổi cái hồn, cái tình vào cạnh vật. Nhờ đó mà bức tranh thu ở đồng bằng Bắc Bộ hiện lên thật chân thực, sinh động, có cả hồn và có cả cái tình của thi nhân.  + Ngoài ra, nhà thơ còn sử dụng các từ ngữ, các hình ảnh giàu sức gợi, giúp người đọc có thể hình dung và cảm nhận sâu sắc hơn vẻ đẹp của phong cảnh thiên nhiên mùa thu xứ Bắc và thấu hiểu được nỗi niềm tâm sự của nhà thơ.  + Ở hai câu luận, nhà thơ tài tình khi kết hợp biện pháp tu từ đảo ngữ kết hợp với bút pháp lấy cái động để diễn tả cái tĩnh làm nổi bật hình ảnh “mấy chùm” hoa và “một tiếng” ngỗng đồng thời bộc lộ nỗi niềm suy tư, sự xót xa của nhà thơ.  => Nhờ ngòi bút tà hoa của Nguyễn Khuyến mà thiên nhiên mùa thu của quê hương làng cảnh Việt Nam đẹp một cách thanh cao, gợi cảm, hồn hậu, khiến chúng ta càng thêm yêu, thêm quý quê hương đất nước của mình.  \* Kết bài:  - Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.  + “Thu vịnh” là một bài thơ hay, góp phần khẳng định tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước trong thơ Nguyễn Khuyến.  + Trình độ nghệ thuật của bài thơ đã đạt tới mức độ điêu luyện, khó ai sánh kịp.  + Đối với bài “Thu vịnh”, Xuân Diệu từng nhận xét rằng đây là bài thơ trong ba bài về mùa thu của Nguyễn Khuyến mang cái hồn, cái chất của mùa thu hơn cả. Qua “Thu vịnh”, mùa thu xứ Bắc hiện lên rõ nét, tinh tế và cũng ẩn chứa những tâm sự sâu kín của người viết, từ đó, người đọc càng thêm yêu quý hơn thiên nhiên quê hương mình. | 0,25  1,5  1,0  0,25 |
|  | d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về nội dung nghị luận. | 0,25 |
|  | d. chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt. | 0,25 |